

Theo dấu dòng tiền

TOP CỔ PHIẾU

— —
Ngày 01 tháng 07, 2026

Xem thêm



Bộ phận Phân tích & Đầu tư
Research & Proprietary trading





- Cổ phiếu có khối lượng giao dịch đột biến phản ánh có dòng tiền mới tham gia.
- Điều này có thể tạo ra sự biến động giá mạnh hơn, đồng nghĩa sẽ xuất hiện cơ hội kiếm lợi nhuận từ chênh lệch giá

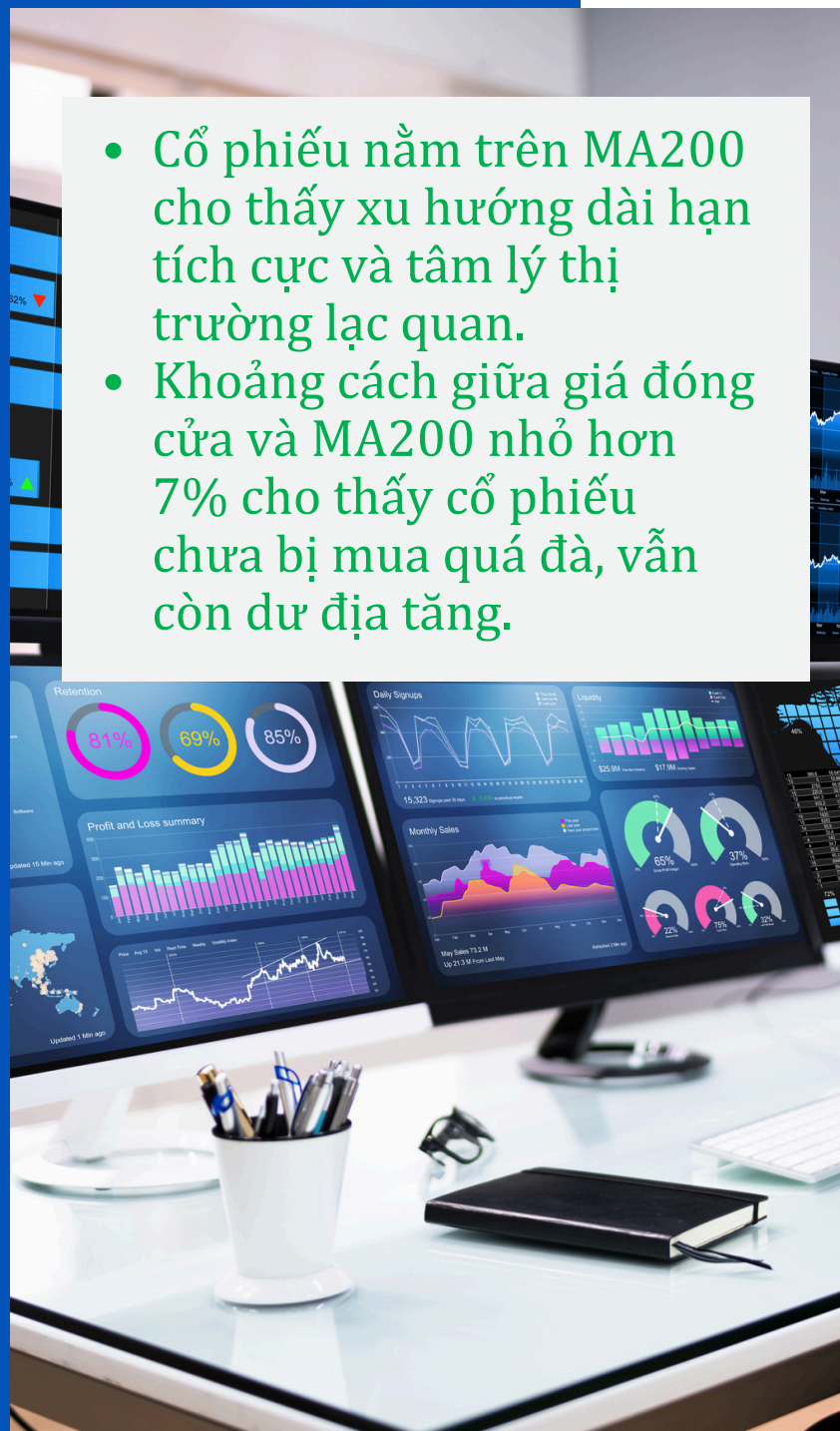


STT	Mã	Ngày	Giá đóng cửa	KLGD	KL TB 30P	Gấp TB 30P
1	ABW	30/06/2026	12.8	856.400	183.780	4.66
2	BSI	30/06/2026	35.7	1.722.700	429.310	04.01
3	VNM	30/06/2026	54.8	9.320.000	2.920.053	3.19
4	GEG	30/06/2026	14.7	1.151.800	391.377	2.94
5	VPX	30/06/2026	28.6	3.249.100	1.147.950	2.83
6	CTS	30/06/2026	26.15	4.090.600	1.458.260	2.81
7	TPB	30/06/2026	16.6	32.654.500	12.522.413	2.61
8	GEX	30/06/2026	31.45	23.941.700	11.107.030	2.16
9	ANV	30/06/2026	21.25	1.005.800	472.507	2.13
10	NAF	30/06/2026	48.5	1.061.300	561.527	1.89
11	AGR	30/06/2026	14.7	615.400	330.157	1.86
12	VGC	30/06/2026	45	684.800	398.183	1.72
13	HAG	30/06/2026	15.3	3.961.200	2.376.393	1.67
14	HPG	30/06/2026	23.3	30.593.200	18.954.384	1.61
15	NVB	30/06/2026	14.5	941.700	591.877	1.59
16	KLB	30/06/2026	16.6	755.700	490.287	1.54
17	FTS	30/06/2026	26.55	1.733.700	1.168.000	1.48
18	DSE	30/06/2026	22.45	546.300	380.917	1.43
19	HAH	30/06/2026	52.2	808.800	599.183	1.35
20	BVB	30/06/2026	13.9	2.581.400	1.981.047	1.3
21	VDS	30/06/2026	13.8	875.700	676.773	1.29
22	HVN	30/06/2026	23.5	945.300	739.447	1.28
23	KBC	30/06/2026	30.5	2.474.100	2.010.843	1.23
24	SSB	30/06/2026	16.2	2.970.600	2.456.823	1.21
25	VCG	30/06/2026	20.8	3.764.700	3.145.913	1.2
26	POW	30/06/2026	14.7	11.078.700	9.255.830	1.2
27	GEE	30/06/2026	92.3	1.647.400	1.387.113	1.19
28	NAB	30/06/2026	13.2	2.161.900	1.821.397	1.19
29	TNG	30/06/2026	20	624.700	530.430	1.18



- Cổ phiếu nằm trên MA200 cho thấy xu hướng dài hạn tích cực và tâm lý thị trường lạc quan.
- Khoảng cách giữa giá đóng cửa và MA200 nhỏ hơn 7% cho thấy cổ phiếu chưa bị mua quá đà, vẫn còn dư địa tăng.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	TBKL 10 phiên	RSI(14)	MA 200	% Close - MA200
1	BID	30/06/2026	42.4	4.506.380	52.35	41.74	1.58
2	BSI	30/06/2026	35.7	828.620	68.97	35.45	0.7
3	BVB	30/06/2026	13.9	2.687.720	71.71	13.22	5.12
4	CTS	30/06/2026	26.15	2.556.870	68.78	25.52	2.45
5	DRI	30/06/2026	13.3	523.590	36.65	12.91	03.02
6	EVF	30/06/2026	13.1	2.613.310	40.96	12.87	1.78
7	GEX	30/06/2026	31.45	11.817.010	53.3	30.39	3.49
8	GVR	30/06/2026	32.8	2.133.630	40.26	32.01	2.48
9	HDB	30/06/2026	25.85	9.295.430	54.3	25.78	0.26
10	HSL	30/06/2026	7.67	636.960	69.16	7.52	1.97
11	PVS	30/06/2026	38.1	2.303.010	47.37	37	2.97
12	PVT	30/06/2026	19.85	2.498.220	47.46	18.74	5.93
13	SAB	30/06/2026	48.5	502.020	55	46.5	4.3
14	TNG	30/06/2026	20	739.750	60.2	19.78	01.09
15	TTA	30/06/2026	11.7	897.860	66.49	11.11	5.28
16	VCB	30/06/2026	62.2	4.329.190	55.07	61.78	0.69
17	VJC	30/06/2026	139.5	1.010.800	53.92	133.79	4.27
18	VPL	30/06/2026	89.8	963.320	49.96	85.71	4.77





Đỉnh và đáy là mức kháng cự và hỗ trợ quan trọng của cổ phiếu

Vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Cao nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ASP	8.91	8.51	296.540
2	MSB	16	15.9	9605310

Vượt đỉnh 3 tháng nhưng chưa vượt đỉnh 1 năm

STT	Mã	Giá	H13W	KLTB 10 phiên
1	ABW	12.2	12.2	273.970
2	ACB	22.9	22.84	13.169.100
3	BMP	154	153	205390
4	EVS	5.6	5.4	342.770
5	HNM	8.6	8.6	322.670
6	NAB	13.15	13.15	2.460.100
7	NVB	14.7	14.6	818.900
8	POW	14.8	14.8	13.460.620

Phá đáy 1 năm

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 1 năm	TBKL 10 phiên
1	ACC	12.25	11.65	14.100
2	AMS	7.1	6.8	161.300
3	BMI	14.25	14.15	94.070
4	CKG	6.84	6.63	52.890
5	DDV	22.8	19.7	435.230
6	FIT	3.71	3.7	245.530
7	HAX	9.43	9.43	92.990
8	IMP	41.35	41.2	12.750
9	JVC	3.55	3.53	102.280
10	PCH	18.8	18.7	99.910

Phá đáy 3 tháng

STT	Mã CK	Giá	Thấp nhất 3 m	TBKL 10 phiên
1	ACC	12.25	12.3	14.100
2	AMS	7.1	7.3	161.300
3	BMI	14.25	14.3	94.070
4	CKG	6.84	6.85	52.890
5	CRE	7.16	7.2	130.640
6	DDV	22.8	23.2	435.230
7	DVM	6.5	6.6	88.250
8	DVN	20	20.02	34.670
9	FOX	74.1	74.7	95.770
10	HAH	52	52.5	712490
11	HAX	9.43	9.52	92.990
12	HKT	14.5	15	26.550
13	HTI	20.15	20.2	12420
14	IMP	41.35	42.05	12750
15	NAG	7.3	7.6	49.340
16	PCH	18.8	19.2	99.910
17	POS	13.7	14	11000
18	PPC	9.58	9.61	79520
19	PSB	5.1	5.2	17.560
20	RYG	9.3	9.35	62140
21	SJE	12.6	12.7	26720
22	SZL	47.9	47.95	18740
23	TAL	26.75	26.85	94490
24	TDC	9.31	9.46	74660
25	THG	34.3	35.2	13.580
26	TIP	17.95	18	21.260
27	TNH	8.21	8.5	181.570
28	VLC	12.3	12.4	44.290
29	VNM	56.1	56.2	2.397.420



Cổ phiếu cắt lên trên các đường trung bình có thể phát tín hiệu mua cho một nhịp tăng giá mới

Cắt lên đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	BSI	35.7	35.45	828.620
2	CTS	26.15	25.52	2.556.870
3	GEX	31.45	30.39	11817010
4	HSL	7.67	7.52	636.960

Cắt lên đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	EIB	21	20.9	3.951.910
2	GEX	31.45	30.77	11.817.010
3	HAG	15.3	15.18	3144100
4	HHS	11.35	11.34	982.310
5	HNG	7.2	07.03	2.169.730
7	SHS	18.5	18.49	10160420
8	VNE	2.98	2.96	703560

Cắt lên đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	GEX	31.45	31.24	11.817.010
2	HNG	7.2	7.11	2.169.730
3	VPL	89.8	89.48	963320
4	VTZ	20.4	20.4	935.320



Cổ phiếu cắt xuống dưới các đường trung bình phát tín hiệu bán khi giá có thể giảm sâu hơn



Cắt xuống đường trung bình MA200

STT	Mã	Giá	MA200	KLTB 10 phiên
1	TCB	33.5	33.58	14.302.070

Cắt xuống đường trung bình MA50

STT	Mã	Giá	MA50	KLTB 10 phiên
1	LDG	3.22	3.23	1.547.600
2	NLG	26.15	26.3	2.242.420
3	VCG	20.8	20.89	3137600

Cắt xuống đường trung bình MA20

STT	Mã	Giá	MA20	KLTB 10 phiên
1	HHV	11.4	11.45	2.963.100
2	LDG	3.22	3.25	1.547.600
3	MSR	39.2	39.42	803340
4	MST	8.9	8.9	1.059.400
5	NLG	26.15	26.18	2.242.420
7	PVT	19.85	19.89	2498220
8	VCK	33.1	33.29	3664210



Cổ phiếu có giai đoạn tích lũy trong biên độ hẹp. Thông thường quá trình tích lũy càng lâu với Bollinger band co hẹp cực đại thì theo sau sẽ là giai đoạn biến động mạnh.

STT	Mã CK	Ngày	Giá đóng cửa	Giá thấp nhất 3T	Giá cao nhất 3T	Biên độ %	KLTB 5 phiên
1	SJD	30/06/2026	14.5	13.9	14.35	3.24	38,060
2	TIP	30/06/2026	18.05	17.9	18.59	3.85	23,640
3	CQN	30/06/2026	30.6	29.75	31.3	5.21	20,500
4	CHP	30/06/2026	27.8	27.25	28.7	5.32	5,660
5	ODE	30/06/2026	46.5	44.2	46.6	5.43	16,600
6	PPH	30/06/2026	26.4	25.75	27.2	5.63	6,060
7	SMB	30/06/2026	38.75	37.35	39.59	6	6,200
8	BWS	30/06/2026	34	33	35	06.06	7,140
9	ILB	30/06/2026	21.85	21.05	22.4	6.41	8,040
10	VIP	30/06/2026	10.35	10.23	10.91	6.65	129,520
11	LHG	30/06/2026	28.1	27	28.8	6.67	19,400
12	MCP	30/06/2026	28	26.6	28.4	6.77	21,060
13	VFG	30/06/2026	46.8	45.8	48.96	6.9	9,120
14	MPC	30/06/2026	16	15.5	16.6	7.1	8,240
15	VTZ	30/06/2026	20.4	19.7	21.1	7.11	920,000
16	PPT	30/06/2026	15.3	15	16.1	7.33	289,640
17	HTG	30/06/2026	41	40	43	7.5	5,360
18	DSN	30/06/2026	37.55	36.26	39	7.56	7,080
19	VTO	30/06/2026	10.5	10.45	11.24	7.56	71,220
20	PGC	30/06/2026	12.2	11.95	12.87	7.7	14,660
21	GSP	30/06/2026	11.15	10.95	11.8	7.76	30,360
22	VNR	30/06/2026	19.7	19.6	21.2	8.16	23,900
23	NTC	30/06/2026	134	134	145	8.21	9,400
24	NCT	30/06/2026	94.6	89.6	97	8.26	25,180
25	CLX	30/06/2026	14.7	14.3	15.5	8.39	23,280
26	BWE	30/06/2026	45	42	45.8	09.05	70,920
27	NHH	30/06/2026	10.35	9.95	10.85	09.05	39,600



Trung tâm Phân tích và Tư vấn Đầu tư

Nguyễn Văn Thanh

Phụ trách khối Phân tích & Tự doanh

Email: thanhnv@apsc.vn

Phân tích cơ bản

Hoàng Ngọc Quyền

Chuyên viên phân tích

Email: quyenhn@apsc.vn

Chiến lược giao dịch

Nguyễn Văn Thiệu

Chuyên viên phân tích

Email: thieunv@apsc.vn

Cam kết phân tích

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

Khuyến nghị

CANH MUA Giá cổ phiếu hiện tại trong vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CHỜ MUA Giá cổ phiếu hiện tại cao hơn vùng mua tiềm năng. Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 15 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

TRUNG LẬP Ước tính giá cổ phiếu có thể tăng/giảm 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.

CANH BÁN Ước tính tiềm năng giảm giá trên 10 điểm phần trăm trong 12 tháng tới.



Tuyên bố trách nhiệm

Bản báo cáo và các tài liệu đi kèm chỉ phục vụ cho mục đích cung cấp thông tin tham khảo và được phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Alpha (APSC), một doanh nghiệp được cấp phép bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Những thông tin sử dụng trong báo cáo được thu thập từ những nguồn đáng tin cậy và APSC không chịu trách nhiệm về tính chính xác của chúng. Không một thông tin cũng như ý kiến nào được viết ra nhằm mục đích quảng cáo hay tác động đến bất kỳ chứng khoán nào. Bất kỳ quyết định đầu tư nào đều dựa trên đánh giá cá nhân của khách hàng, và báo cáo này cùng với các tài liệu đi kèm không thể được sử dụng làm bằng chứng trong bất kỳ tranh chấp pháp lý nào liên quan đến quyết định đầu tư.

© Copyright - Bản quyền thuộc về APSC. Báo cáo này không được phép sao chép tái bản bởi bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào khi chưa được phép của APSC. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. APSC có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho APSC.

Công ty Cổ phần Chứng Khoán Alpha

Hội sở chính

Tầng 5, 14 Láng Hạ, P.Giảng Võ, TP. Hà Nội

Điện thoại: (024) 3933 4666

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 8, số 04/B1 lô 26 BC đường Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0913.399.635

Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 5, Tòa nhà HDTC, 36 Bùi Thị Xuân, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 3535 2115

Chi nhánh Thanh Hoá

Sảnh tầng 1, khách sạn Lam Kinh, Khu đô thị Đông Hương, Phường Đông Hương, Thành phố Thanh Hoá, Tỉnh Thanh Hoá

Điện thoại: 0237 3515 009